

VỀ VIỆC DÙNG HAI ĐỘNG TỪ "VÀO" "RA"  
ĐỂ CHỈ SỰ DI CHUYỂN ĐẾN MỘT ĐỊA ĐIỂM  
Ở PHÍA NAM HAY PHÍA BẮC  
TRONG TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI <sup>(1)</sup>

NGUYỄN TÀI CẦN

1/ Trong nhóm động từ chỉ sự di chuyển có định hướng, hai động từ VÀO RA từ lâu đã được chú ý <sup>(2)</sup>, vì chúng có một cách dùng khá đặc biệt: ngoài những điểm chung này ở nhiều ngôn ngữ khác, ở tiếng Việt, VÀO còn dùng để chỉ sự di chuyển đến một địa điểm ở phía NAM, và RA còn dùng để chỉ sự di chuyển đến một địa điểm ở phía BẮC. Ví dụ:

(Từ Huế) RA VINH, ĐƯA RA VINH, RA HỌP Ở VINH → hướng RA BẮC;

(Từ Vinh) VÀO HUẾ, ĐƯA VÀO HUẾ, VÀO HỌP Ở HUẾ → hướng VÀO NAM.

Những cách nói này lại còn mật thiết liên quan đến việc dùng hai từ chỉ vị TRONG và NGOÀI: VÀO VINH, TRONG VINH, → VÀO TRONG VINH, VÀO NAM TRONG NAM → VÀO TRONG NAM/ RA VINH, NGOÀI VINH → RA NGOÀI VINH/ RA BẮC, NGOÀI BẮC → RA NGOÀI BẮC.

Nhưng về đặc điểm của những cách dùng này, cũng như về lai nguyên của chúng, hiện các nhà nghiên cứu vẫn chưa cung cấp được một sự giải thích thật là sáng tỏ.

2/ Dựa vào cứ liệu trong một số văn bản cổ, chúng ta thấy việc gắn liền các ý niệm VÀO, TRONG với phương NAM, các ý niệm RA, NGOÀI với phương BẮC, chậm nhất là cũng đã có từ đầu thế kỷ 15;

a) Trong DU ĐỊA CHÍ, cuốn sách địa lý viết bằng Hán văn đầu tiên của người Việt ta thấy động từ NHẬP đã được dùng để chỉ việc đi vào NAM:

Trần Thái Tôn mệnh thượng tướng Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải NHẬP NGUYÊN NHÂN VỤ NGHỆ AN (= Vua Trần Thái Tôn hạ lệnh cho thượng tướng Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải VÀO chặn đánh quân Nguyên ở Nghệ An) - DU ĐỊA CHÍ, phần chữ Hán, trang 87 bản in năm 1966, Văn hóa từng thư xuất bản, số 30.

DU ĐỊA CHÍ thì ai cũng rõ là do Nguyễn Trãi viết và do Nguyễn Thiên Tí Nguyễn Thiên Túng, Lý Tử Tấn chú giải, bổ sung, bình luận thêm. Cả bốn nhân vật này đều là người đầu đời LÊ.

b) Trong **THIÊN NAM TỨ CHÍ LỘ ĐỒ THU** của một tác giả tự xưng là "nhà nho thi hương, họ Đỗ Bá, hiệu Đạo Phủ, quê ở Bích Triều, Thanh Giang" cũng đã có rng câu dùng **XUẤT, NHẬP, NGOÀI** liên quan đến hướng **NAM/BẮC** như vậy:

1. Như từ **Cửa Lạc** viết, **NHẬP** nghỉ thu đông, **XUẤT** nghỉ xuân hạ (= Nếu từ **Cửa** : vượt biển để **VÀO** thì phải đi trong mùa thu hay mùa đông, để **RA** thì phải đi trong a xuân hay mùa hạ) - **HỒNG ĐỨC BẢN ĐỒ** - Sài Gòn, 1962, phần **THIÊN NAM TỨ Í LỘ ĐỒ THU**, trang 76.

2. Tự Lại doanh **XUẤT** chí Kinh Nhà Hồ. . . Từ **NGOÀI NHẬP** chí Tam độ. . . (= doanh Lại **RA** đến Kinh Nhà Hồ. . . Từ **NGOÀI** mà **VÀO** đến Tam độ. . .) Tác phẩm r trên, trang 91.

Hơn nữa có chỗ văn bản vừa dùng câu chữ Hán có **XUẤT, NHẬP** vừa dùng câu n có **RA, VÀO** để giải thích cho nhau, ví dụ:

3. Tự Cầu Ngạn **NHẬP** tắc xanh thuyền diên Thạch Hà biên, **XUẤT** tắc xanh thuyền n Thiên Lộc biên, tục vân: **VÀO THẠCH HÀ, RA THIÊN LỘC** (= Từ Cầu Ngạn mà O thì phải chèo thuyền ven theo bên Thạch Hà, mà **RA** thì phải chèo thuyền ven theo Thiên Lộc, có câu tục ngữ rằng: **VÀO THẠCH HÀ, RA THIÊN LỘC**) - Tác phẩm r trên, trang 84.

Theo công trình nghiên cứu tập thể gần đây nhất, **THIÊN NAM TỨ CHÍ LỘ ĐỒ U** là một tác phẩm viết trong khoảng 1630-1653<sup>(3)</sup>. Vì không rõ gì hơn về tiểu sử và vùng Bích Triều, Thanh Giang, nhóm nghiên cứu phỏng đoán tác giả của nó là một ời sống thế kỷ 17. Nhưng theo sự hiểu biết của chúng tôi thì:

- Bích Triều là một vùng cách thành phố Vinh khoảng 30 km; Thanh Giang là tên ớc năm 1469 của huyện Thanh Chương.<sup>(4)</sup> Tác giả còn tự xưng quê ở huyện Thanh ng, vậy tác giả là một người của thế kỷ 15<sup>(5)</sup>. Văn bản có niên đại 1630-1653 chỉ là i văn bản sao chép lại, nhưng khi sao chép có sửa chữa: một trong nhiều chứng cứ là y tên huyện Thanh Giang lắm chỗ cũng đã đổi thành Thanh Chương.

- Từ vùng quê của tác giả có đường thông sang Hà Tĩnh khá gần, vậy câu **VÀO ACH HÀ RA THIÊN LỘC** chắc là một câu tác giả đã tự tai nghe được và thu thập i vào tác phẩm từ giai đoạn Lê sơ. Nhưng đâu có chủ trương cho đó là một câu mới m vào sau, trong giai đoạn sao chép 1630-1653, thì chính những người sao chép cũng i công nhận đó là một câu đúc rút kinh nghiệm có đã từ lâu đời, vì họ cũng nói đó là i câu tục ngữ.

Gần đây, có ý kiến cho rằng hai tên gọi **ĐÀNG TRONG, ĐÀNG NGOÀI** (hình nh vào khoảng thế kỷ 17) là nguyên nhân đưa đến lối nói **VÀO NAM, RA BẮC**<sup>(6)</sup>. Rõ g những cứ liệu dẫn trên đây hoàn toàn không ủng hộ cho ý kiến đó. **ĐÀNG TRONG, NG NGOÀI** đúng ra là hậu quả chứ không phải nguyên nhân.

3/ Nhưng từ lâu ở Việt nam thường hay dùng từ **NAM** thay cho từ **VIỆT** và thường dùng sự đối lập **NAM / BẮC** thay cho sự đối lập **VIỆT / TRUNG QUỐC**. Việc tự g tên nước là **NAM QUỐC** (hay **NUỐC NAM, NAM BANG**) chậm nhất cũng đã có ời Lý. Vậy có thể từ cơ sở thực tế này mà suy ra các lối nói **TRONG NAM / NGOÀI**

**BẮC, VÀO TRONG NAM / RA NGOÀI BẮC** được không ? Theo ý chúng tôi, cũng không lòng mà chấp nhận được một giả thuyết như vậy.

a) Khảo sát các động từ trong cùng một nhóm với hai từ **VÀO, RA** chúng ta thấy:

- Trong việc diễn tả sự di chuyển đến một địa điểm nào đấy, người Việt nam thường thích dùng những động từ có hình tượng, có khả năng miêu tả cụ thể như **LÊN, XUỐNG VÀO, RA, SANG, QUA** thay cho những động từ trung lập kiểu như **ĐI, ĐẾN, TỚI**;

- Cách đặt **ĐỘNG TỪ + ĐỊA DANH** thường theo sát cách đặt **ĐỘNG TỪ DANH TỪ CHUNG**. So sánh: **Lên núi - Lên TAM ĐẢO, Lên vùng núi cao - Lên TÂY BẮC, Xuống biển - Xuống HẠ LONG, Xuống vùng thấp - Xuống THÁI BÌNH, Qua bên kia sông - Qua GIA LÂM . . .**

- Đó là những cách nói phản ánh một sự hiểu biết sâu sắc về địa hình chi tiết từ vùng, vì khi nói phải xác định đúng vị trí đối đãi giữa chỗ xuất phát và địa điểm hướng đến. Ví dụ:

- nói **TỪ VINH LÊN NAM ĐÀN**: biết Vinh gần biển hơn Nam Đàn;

- nói **TỪ RẠNG XUỐNG NAM ĐÀN**: biết Rang gần núi hơn Nam Đàn;

- Hơn nữa, nhiều khi những cách nói đó còn phản ánh cả sự cân nhắc chọn lựa quan của người nói trước những khả năng nhìn nhận khác nhau về cùng một địa hình. So sánh:

- nói **XUỐNG QUẢNG NINH**: nhấn ý **QUẢNG NINH** là một vùng thấp;

- nói **RA QUẢNG NINH**: nhấn ý **QUẢNG NINH** ở phía nhìn ra biển rộng.

Như vậy , chắc trước tiên phải có những câu nói cụ thể ở từng địa phương mới phản ánh đúng sự di lại tùy theo địa hình từng vùng rồi sau đó mới hình thành những câu nói chung hơn như **XUỐNG ĐÔNG LÊN ĐOÀI, RA BẮC VÀO NAM**, chứ không phải trước tiên có những công thức khái quát dựa trên địa lý toàn quốc rồi mới đem áp dụng nhất luật vào từng vùng nhỏ. Có quan niệm như thế chúng ta mới hiểu được vì sao ở vùng Nam Bộ - nơi người Việt mới đến sinh sống gần đây chưa lâu lắm - trên những trục đường đúng hướng Nam/Bắc như Gia Định - Thủ Dầu Một - Lộc Ninh hoặc Thủ Đức - Thủ Đức - Củ Chi - Tây Ninh ai cũng nói **LÊN / XUỐNG** chứ không nói **VÀO / RA** , thì công thức đã sẵn có từ lâu đời. Ví dụ :

(Từ Thủ Dầu Một) **LÊN LỘC NINH ( Từ Lộc Ninh) XUỐNG BẾN SÚC**

(Từ Gia Định) **LÊN TÂY NINH (Từ Tây Ninh) XUỐNG CỦ CHI**

b) Hơn nữa, nếu cho rằng những cách nói **TRONG NAM / NGOÀI BẮC, VÀO NAM / RA BẮC** đều bắt nguồn ở sự đối lập **NAM QUỐC/ BẮC QUỐC** thì cũng khó hiểu được vì sao, về phương diện đi lại, **RA BẮC** không bao giờ có nghĩa là đi sang Trung Quốc, và **VÀO NAM** hầu như cũng không bao giờ có nghĩa là đi vào đất Việt Nam trong lúc, về nhiều phương diện khác, vẫn còn dùng những lối nói đối nhau như **NAM SỬ / BẮC SỬ, QUÂN NAM / QUÂN BẮC, THUỐC NAM / THUỐC BẮC** v. v. . .

4/ Vậy quá trình hình thành lối nói **VÀO NAM / RA BẮC** nên hình dung như

o? Về vấn đề này, ý kiến chúng tôi có thể tóm tắt như sau:

a) Lối nói VÀO NAM / RA BẮC đã có mặt từ thời Nguyễn Trãi. Vậy nó phải sản sinh trên cơ sở những lối nói về việc đi lại trên địa bàn Việt Nam khoảng thời gian trước, tức khoảng đầu thế kỷ 15 trở về trước. Thời gian này, như cứ liệu lịch sử cho biết; lãnh thổ Việt Nam mới bao gồm vùng Bắc Bộ và giải đất từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên. Người Việt nam tập trung sinh sống chủ yếu ở châu thổ sông Hồng, một vùng đồng bằng rộng, mở mang khai phá từ lâu, ba phía giáp vùng núi cao (Bắc, Tây và Tây - Nam), một phía giáp biển (Đông), ở giữa có một hệ thống sông ngòi chia cắt đất nước thành nhiều khu vực nhỏ. Giải đất ở Bắc Trung Bộ, nói chung, đồng bằng ven biển còn khá hẹp. Đây là khu vực biên giới, nhiều vùng mới chiếm được, còn man rợ, bí hiểm<sup>(7)</sup>. Tuy nhiên, việc đi lại giữa vùng châu thổ sông Hồng và vùng đất biên giới này cũng đã xảy ra nhiều lần, khá ồ ạt do những đợt di dân, vận chuyển lương thực, và những đợt kéo hàng vạn quân vào tập luyện, đi đánh Chiêm Thành<sup>(8)</sup>.

b) Căn cứ những cách nói về việc đi lại ở địa bàn này, hiện còn lưu lại ở tiếng Việt, chúng ta thấy:

- Nói về việc đi lại giữa các điểm trong cùng một vùng, thì VÀO NAM RA BẮC chỉ được dùng chủ yếu ở Bắc Trung Bộ: (Từ Thanh Hóa) VÀO NGHỆ AN, VÀO THỪA THIÊN HIÊN; (Từ Quảng Trị) RA NGHỆ AN, RA THANH HÓA. Ở Bắc Bộ, trái lại, chủ yếu dùng LÊN, XUỐNG, SANG, QUA; (Từ Hà Nội) LÊN THÁI NGUYÊN, HÀ GIANG, O CAI, HÒA BÌNH; XUỐNG QUẢNG NINH, HẢI PHÒNG, ĐỒ SƠN, THÁI BÌNH, HÀ HẬU; QUA GIA LÂM. . . Nhưng đối với những địa điểm sắp dẫn vào đất Bắc Trung Bộ thì lại dùng VÀO, RA, ví dụ: VÀO NINH BÌNH.

- Khi nói về việc đi lại giữa hai điểm khác vùng (một bên thuộc Bắc Bộ, một bên thuộc Bắc Trung Bộ) thì bao giờ cũng dùng VÀO, RA được:

- (Từ Bắc Bộ) có thể nói VÀO bất kỳ chỗ nào ở Bắc Trung Bộ

- (Từ Bắc Trung Bộ) có thể nói RA bất kỳ chỗ nào ở Bắc Bộ

c) Như vậy, lối nói VÀO NAM / RA BẮC chắc được sản sinh khi nói về việc đi lại trực tiếp đường châu thổ sông Hồng - vùng Bắc Trung Bộ. Có thể phỏng đoán rằng: - ở đâu chỉ có những câu nói cụ thể như (Từ Kẻ Chợ) VÀO BỐ CHÍNH, VÀO THUẬN HÓA; (Từ Thuận Hóa) RA NGHỆ AN, RA ĐÔNG ĐÓ. . .

Đi vào nơi hẹp, kín, bí hiểm, tân cùng mà dùng VÀO, VÀO TRONG. . ., đi ra nơi thoáng, mở mang mà dùng RA, RA NGOÀI. . ., điều đó hoàn toàn không có gì xa lạ với những lối nói quen thuộc như VÀO NGÕ, VÀO CỔNG, VÀO TRONG HANG, O TRONG RỪNG / RA KHỎI, RA ĐỒNG, RA NGOÀI SÂN, RA NGOÀI BÀI. . . Những cách đặt câu như vậy, ngày nay chúng ta vẫn dùng, so sánh với: VÀO CÚC ƯƠNG, VÀO U MINH; RA SẦM SƠN, RA VÙNG TÀU. . .

- Nhưng do một sự tình cờ của địa lý, giải đất hẹp, bí hiểm vùng biên giới lại ở phía Bắc, chỗ đồng bằng rộng thoáng, mở mang lại ở phía BẮC, cho nên những lối nói có O / RA như trên lại ngẫu nhiên mang thêm một nét nội dung mới: nói VÀO một địa điểm X là nói đi về phía NAM hơn, so với đồng bằng Bắc Bộ; và nói RA một địa điểm Y

là nói đi về phía BẮC hơn, so với các vùng Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên.

- Rồi về sau, do sự mờ nhạt dần của một khía cạnh ngữ nghĩa vốn quan trọng l ban đầu (khía cạnh "VÀO nơi HẸP, RA nơi RỘNG" mờ nhạt dần vì từ Nghệ An vào l Tỉnh, Quảng Bình, Quảng Trị hay từ Thừa Thiên ra Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tầ đầu đầu giải đất đồng bằng ven biển cũng hẹp cả) nên ý nghĩa NAM / BẮC lại dần đ nổi rõ hẳn lên, để cuối cùng đưa đến khả năng khái quát thành VÀO NAM/ RA BẮC.

- Rõ ràng chỉ giữa đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ mới có đủ đồng thời hai trái ngược nhau về cảnh quan địa lý: một bên là sự trái ngược cho phép dùng VÀO / R TRONG/ NGOÀI theo cách dùng thông thường của chúng; và một bên là sự trái ngư cho phép chuyển từ cách dùng thông thường đó sang cách dùng đặc biệt trên đây.

d) Cố nhiên tình hình từ đầu thế kỷ 15 đến nay cũng càng ngày càng góp phần củ cố thêm cho lối nói đó: sự ra đời của những tên gọi như LỘ NAM GIỚI, rồi QUẢN NAM THỪA TUYÊN (đầu Lê), ĐÀNG TRONG / ĐÀNG NGOÀI hoặc NAM HÀ / B HÀ (thời Trịnh, Nguyễn), sự phân vùng địa lý thành ba kỳ BẮC - TRUNG - NAM (tr Nguyễn) đều là những nhân tố, theo ý chúng tôi, có ảnh hưởng rất lớn đến nhận th BẮC/ NAM của người nói, và đến cách dùng những từ VÀO /RA, TRONG/NGOÀI c họ. Sự phân vùng địa lý hành chính và địa danh có mang những yếu tố NAM, BẮC n định phải có ảnh hưởng trực tiếp hơn là bản thân hai phương hướng ấy <sup>(9)</sup>.

5/ Cuối cùng, cũng cần nhấn mạnh thêm một điều: là đứng trước những lối nói l BẮC / VÀO NAM, RA NGOÀI BẮC / VÀO TRONG NAM không nên nghĩ đến n hướng BẮC, một hướng NAM xác định đơn thuần chỉ dựa theo la bàn. Trong việc đi l điều kiện quan trọng nhất là các trục đường giao thông chính.

Có điều, có đường giao thông chính theo trục NAM/ BẮC cũng mới chỉ là một đ kiện cần chứ chưa đủ. Nếu có những đặc điểm địa hình khác nổi rõ hơn (ví dụ có sự l lập CAO/THẤP, có đặc điểm VƯỢT SÔNG, VƯỢT ĐÈO. . .) thì lúc ấy sự đối lập N /BẮC cũng bị lu mờ trong tâm lý người nói, và VÀO/RA cũng phải nhường chỗ c LÊN/XUỐNG hoặc SANG/QUA . . . Ví dụ: ( Từ Hà nội) SANG GIA LÂM - (Từ E Súc) LÊN LỘC NINH.

Đã có trường hợp sự đối lập NAM/BẮC bị lu mờ trong thực tế thì tất cũng trường hợp trong thực tế vốn không có NAM/BẮC nhưng ở người nói lại nhận thức có, ví dụ ở quãng đường Xuân Lộc - Phan Thiết. Thực ra đây là một đoạn đường chủ đi theo hướng Đông - Tây. Nhưng đã chia toàn quốc thành ba vùng NAM, TRUNG, B thì tự nhiên trong nhận thức của người nói, từ Xuân Lộc "ra Phan Thiết", người ta nghĩ là đi theo hướng RA BẮC, và từ Phan Thiết "vào Xuân Lộc" người ta vẫn nghĩ là theo hướng VÀO NAM.

Tóm lại, sự đối lập NAM/BẮC phải theo la bàn và sự đối lập NAM/BẮC trong n thức người nói không thể hoàn toàn đồng nhất làm một.

Muốn nói được VÀO/RA phải có điều kiện làm nổi rõ được thể đối lập NAM/B ở trong nhận thức người nói: ví dụ phải có đường giao thông chính theo trục đó, h phải có sự hỗ trợ của thể phân vùng hành chính địa lý thành NAM - TRUNG - BẮC

t là phải vượt qua được sự cạnh tranh của các đặc điểm địa lý khác.

6/ Tất cả những điều nói ở trên đây hiện đưa đến hậu quả như sau:

a) Trong địa bàn Việt Nam, khi nói đến việc đi tới một địa điểm xa, khác vùng thì giờ cũng dùng VÀO/RA, (và TRONG/NGOÀI) được:

- (Từ Bắc Bộ) có thể nói VÀO bất kỳ chỗ nào ở Trung Bộ, Nam Bộ

- (Từ Nam Bộ) có thể nói RA bất kỳ chỗ nào ở Trung Bộ, Bắc Bộ

- (Từ Trung Bộ) có thể nói VÀO bất kỳ chỗ nào ở Nam Bộ, và RA bất kỳ chỗ nào ở Bộ.

Nhưng khi nói đến việc đi lại giữa điểm này điểm khác trong cùng một vùng thì VÀO/RA chỉ dùng với các điểm ven đường quốc lộ thuộc Trung Bộ, hoặc nằm trên đoạn đường sắp dẫn sang đất Trung Bộ. Ngoài ra hầu như chỉ dùng SANG, QUA, LÊN, XUYỂN. So sánh:

- (Từ Hà nội) LÊN Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Lào Cai, Hòa Bình. . .

XUYỂN Quảng Ninh, Hải Phòng, Đồ Sơn, Thái Bình, Hải Hậu, nhưng VÀO Ninh Bình vì Ninh Bình dẫn vào Trung Bộ

- (Từ Huế) RA Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Vinh, Thanh Hóa. . .

VÀO Hội An, Bình Định, Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết . . .

- (Từ thành phố Hồ Chí Minh) LÊN Biên Hòa, Lộc Ninh, Tây Ninh. . .

XUYỂN Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau. . . nhưng có thể nói RA Xuân Lộc (vì Xuân Lộc dẫn ra Trung Bộ)

b) Khi ra nước ngoài, bước vào một hoàn cảnh địa lý xa lạ, khác hẳn cái hoàn cảnh ý đã sống, đã vào sâu trong nhận thức ở Việt Nam, thì người Việt nam bắt buộc phải ở lối nói gắn RA với BẮC, VÀO với NAM vốn đã quen thuộc ở trong nước. VÀO BẮC, RA BẮC, TRONG NAM, NGOÀI BẮC tuy là những lối nói phổ biến, nhưng chỉ dùng phổ biến trong phạm vi địa lý Việt Nam mà thôi.

## CHÚ THÍCH

(1) Bài này vốn là một bức thư riêng trao đổi trong giới nghiên cứu về Vào và RA Bắc. Sau đó nó đã được đem báo cáo ở hội nghị Ngôn ngữ Đông Á, họp ở Paris ngày 21, 22 tháng 6 năm 1990.

(2) Gọi "di chuyển có định hướng" là để phân biệt với các động từ như Chạy, Đi, bay, bơi v. v. . . Xin xem các công trình của I. S. Buxtrop (- Tư liệu về sự phân loại động từ trong tiếng Việt, Thông báo khoa học trường Đại học tổng hợp Leningrat, 1962, số 306, tiếng Nga); I. S. Buxtrop, Nguyễn Tài Cần, N. V. Kevitch (- Ngữ pháp tiếng Việt, Nhà xuất bản Đại học tổng hợp Leningrat, 1975, tiếng Nga); Nguyễn Lai (- Một vài đặc điểm của nhóm từ chỉ hướng được dùng ở

dạng động từ trong tiếng Việt hiện đại, tạp chí Ngôn ngữ, số 3, 1977)

(3) Hồng đức bản đồ - Sài Gòn, 1962 (do nhóm các ông Bửu Cầm, Đỗ Văn A Phạm Huy Thúy, Tạ Quang Phát, Trương Bửu Lâm dịch, giới thiệu)

(4) Trong Dư địa chí còn ghi Thanh Giang, nhưng ở bia tiến sĩ năm 1469 đã thành Thanh Chương như hiện nay.

(5) Ông còn là người tập hợp bộ Hồng đức bản đồ. Ông có đưa những con về phủ, huyện, châu rất lạ, nhưng xét kỹ thì rất đúng: điều này cũng chứng tỏ nắm chắc tình hình thế kỷ 15.

(6) Xin xem ý kiến của nhà nghiên cứu Tiệp Khắc Ivo Vatziliep. Xin xem tạp chí Đoàn kết, số 410, bài của Nguyễn Thanh

(7) Vì lý do này xưa mới gọi là "trại".

(8) Theo tài liệu lịch sử, có những đợt di dân như năm 1075, 1042. . . như đợt vận chuyển lương thực như năm 1376, và rất nhiều đợt kéo quân vào tập luyện đánh Chiêm Thành (1104, 1252, 1311, 1318, 1353, 1367, 1376-1377, 1383, 141403. . .)

(9) Lộ NAM Giới hay Quảng NAM thừa tuyên là địa danh chỉ vùng đất từ Thiên đến khoảng Qui Nhơn. Có tên NAM Giới thì có thể nói Vào NAM như kiểu RA THANH, RA Nghệ; với tên gọi Quảng NAM thừa tuyên cũng vẫn có khả năng dùng NAM để chỉ toàn vùng như vậy: hiện ta vẫn thường nói Vào bình trị thiên; nam, ngài. . .

Về ảnh hưởng của địa danh, ngay tình hình gần đây vẫn cho thấy rõ: lối lên CÔNG TUM, lên PLÂYCU có phần phổ biến thêm, lối nói RA Công TUM, PLÂYCU có phần giảm bớt đi, vì sau 1954, về hành chính, không chia thành Tr Bộ, Nam Bộ như trước.